

Bản án số: **25/2020/HNGĐ- ST**

Ngày: 30/9/2020

"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hân và bà Đinh Thanh Hoàn

- Thư ký phiên Tòa: Bà: Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông:
Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Chị Ngô Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có quan điểm xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

- Về tình cảm: Chị L và anh Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó thường phát sinh mâu thuẫn liên quan đến sinh hoạt hàng ngày. Đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; nguyên nhân do anh Ph lười biếng, không chịu khó làm ăn, lo toan gánh vác kinh tế gia đình; bản thân chị L là phụ nữ mà phải lo toan gánh vác kinh tế khiến chị bị áp lực trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn xung đột. Đến nay chị không còn tình cảm, tình yêu thương với anh Ph nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

-Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Th sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Minh Ch sinh ngày 01/4/2014. Chị L đề

ngiht được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: Không có.

- Về khoản nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quyền cho bị đơn theo quy định của pháp luật như:

- Tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 130 và giấy triệu tập số 130 ngày 28/7/2020 cho anh Ph tại chính quyền địa phương, anh Ph đã nhận giấy nhưng không ký biên bản và cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- Ngày 28/8/2020, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Ph tại nhà riêng anh Ph ở thôn x, xã H, thành phố M, anh Ph đã trình bày quan điểm nhưng không ký vào biên bản.

Nội dung anh Ph trình bày như sau:

+Về tình cảm: Anh Ph và chị L chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện. Đến đầu năm 2020 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn anh Ph trình bày là do chị L nói với anh Ph là có quan hệ tình cảm với người khác và muốn anh Ph đồng ý ly hôn nhưng anh Ph không đồng ý và không đến Tòa án giải quyết. Anh chị đã có thời gian sống ly thân 2 tháng nay không ai còn quan tâm đến ai; bản thân anh Ph cũng không còn tình cảm với chị L nữa nhưng vì con chung còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

+Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Th sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Minh Ch sinh ngày 01/4/2014. Anh Ph có mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; tuy nhiên anh Ph trình bày nếu chị L có đủ điều kiện nuôi dưỡng cả 02 con chung thì anh Ph cũng nhất trí. Nếu bên nào được Tòa án giải quyết là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bên còn lại không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Không có.

+Về các khoản nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản chính); sổ hộ khẩu (01 bản sao); giấy chứng minh nhân dân (01 bản sao); giấy khai sinh (02 bản sao), cuống gửi bưu điện (01 bản chính).

Để chứng minh về điều kiện nuôi con ngày 25/9/2020 chị L cung cấp cho Tòa án các chứng cứ gồm: Hợp đồng không xác định thời hạn với công ty TNHH kỹ thuật dệt may H, Quảng Ninh (01 bản chính); Bảng sao kê lương (01 bản chính); phiếu lương tháng 8/2020 (01 bản chính).

Chứng cứ do Tòa án M thu thập là: 01 biên bản lấy lời khai của anh Ph ngày 28/8/2020; biên bản xác minh ngày 28/8/2020 và ngày 08/9/2020; biên bản lấy lời khai của con chung tại trường THCS H ngày 08/9/2020.

- Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2020 đại diện chính quyền địa phương thôn x, xã H xác nhận: chị L và anh Ph sinh sống trên địa bàn thôn x xã H hơn chục năm nay đều là người chịu khó làm ăn, không có vi phạm chính sách gì tại địa phương. Thời gian gần đây tại địa phương có dư luận chị Ph đi làm ở khu công nghiệp Texhong nên có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và bỏ ra ngoài sinh sống. Tuy nhiên đây là dư luận và do người nhà anh Ph nói ra chứ không có chứng cứ cụ thể.

- Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2020 tại Công an xã H có xác nhận việc ngày 18/8/2020 nhận được đơn của chị L trình báo về việc ngày 17/8/2020 chị về nhà thăm con thì bị anh Phụng đuổi đánh. Sự việc đã được hòa giải và hai bên cam kết không kiện cáo, tái phạm nữa.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2020 tại trường THCS H cháu Nguyễn Văn Th có quan điểm muốn được chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm HĐXX nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

+ Về tình cảm: Xử cho chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

+ Về con chung: Giao cả 02 con chung Nguyễn Văn Th sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Minh Ch sinh ngày 01/4/2014 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Ph không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị L và có quyền thăm nom con chung.

+ Về tài sản và khoản nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xét.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất được: về con chung; về tài sản và các khoản nợ chung.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được: về tình cảm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên Tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Xác định quan hệ tranh chấp*: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn Ph đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo đầy đủ các điều kiện kết hôn theo qui định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, do vậy khi phát sinh tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng*: Các đương sự đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L là người làm đơn khởi kiện nên có tư cách là “nguyên đơn”; anh Ph là người bị khởi kiện nên có tư cách là “bị đơn” theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải*: Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/8/2020 nhưng anh Phụng không có mặt nên không thể mở phiên họp, phiên hòa giải được. Mặt khác ngày 28/8/2020 anh Ph có quan điểm từ chối tham gia tố tụng và chị L có đơn đề nghị không tiếp tục tiến hành phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.4. *Về việc triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa*: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với nguyên đơn, bị đơn đến tham gia phiên tòa; chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ph có quan điểm đề nghị Tòa án xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị L thấy:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn có cơ sở xác định:

-Về tình cảm: Chị L và anh Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2006 tại UBND xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian. Đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị L làm đơn xin ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do anh Ph lười biếng, không có trách nhiệm cùng chị gánh vác kinh tế gia đình khiến chị mệt mỏi; anh Ph cho rằng do chị L có người đàn ông khác (do chị L nói với anh Ph) và mong muốn anh đồng ý chia tay. Thời gian anh chị sống ly thân đến nay là 3 tháng và chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, còn anh Ph thừa nhận không còn tình cảm với chị L nhưng vì con chung nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận định: Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng hai bên đều có quan điểm riêng; qua xác minh tại chính quyền địa phương quả thực có nổi lên dư luận về việc chị L đi làm ở khu công nghiệp nên có tình cảm với người đàn ông khác nhưng đây chỉ là dư luận và cũng xuất phát từ gia đình anh Ph còn chưa có chứng cứ chính xác. Mặt khác, bản thân anh Ph không mong muốn được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng anh chị nên đã từ chối tham gia tố tụng và như vậy đã từ bỏ và khước từ quyền được hòa giải trong vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Hơn nữa bản thân anh Ph cũng thừa nhận không còn tình cảm với chị L, việc không đồng ý ly hôn cũng chỉ vì con chung; đồng thời trong thời gian ly thân chị L về thăm con chung còn bị anh Ph đuổi đánh. Do đó, xét mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được (hai bên không còn tình cảm, tình yêu thương, sự tôn trọng lẫn nhau) nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Ph.

- Về con chung: Các đương sự thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Văn Th sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Minh Ch sinh ngày 01/4/2014. Anh Ph có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng nếu chị L đủ điều kiện về kinh tế anh Ph cũng đồng ý để chị L nuôi dưỡng và anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L nhất trí với quan điểm của anh Ph và cung cấp các chứng cứ liên quan đến điều kiện kinh tế ổn định để nuôi dưỡng con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Văn Th, do đó cần chấp nhận quan điểm của các đương sự là giao cả hai con chung cho chị L nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có nên không xét.

- Về khoản nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M , tỉnh Quảng Ninh là phù hợp , có cơ sở chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

1. *Về tình cảm*: Xử cho chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn Th sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Minh Ch sinh ngày 01/4/2014 cho chị Ngô Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, theo biên lai thu tiền số: 0000273 ngày 28/7/2020.

4. *Về quyền kháng cáo* Căn cứ Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

5. *Về quyền kháng nghị*: Căn cứ Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND thành phố;
- Thi hành án;
- Ấn văn+ Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Phương